TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:106/2020/HNGĐ-ST
Ngày:10-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc

2. Bà Châu Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Tố Anh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:Ông Lê Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 10tháng 9năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:316/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Lê Thanh H, sinh năm 1993;

Thường trú: 79/10 Đường số 10, Khu phố 3, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 77/34 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Mã Thanh H1, sinh năm 1993;

Thường trú: 62/31/7 Đường 4, Khu phố 5, phường T, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 99/13/8C đường Hai Bà Trưng, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Chị Đỗ Thị Thùy G, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 99 Hai Bà Trưng, khu phố T, phường Điệp, thành phố D, tỉnh B.Vắng mặt.

- Chị Lê Xuân H2, sinh năm 1996;

Địa chỉ: 77/34 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2020và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thanh Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân :Chị Lê Thanh H và anh Mã Thanh H1, tìm hiểu nhau được một thời gian thì đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2016, việc kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà vợ ở tại phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn,nguyên nhân do anh H1 là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm, anh H1 thường xuyên uống rượu với bạn bè, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh H1 còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị H cùng với em gái và người bạn chị H bắt gặp, anh H1 cũng thừa nhận. Chị H và gia đình có khuyên ngăn nhưng anh H1 không thay đổi, vợ chồng anh chị ly thân. Nay chị Lê Thanh Hxác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Mã Thanh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mã Phúc T, sinh ngày 08/7/2016. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Mã Thanh H1thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Tđang sống cùng với chị H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung (nghĩa vụ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Mã Thanh H1:* Sau khi thụ lý vụ án , Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án , thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu anh Mã Thanh H1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Lê Thanh Hnhưng anh H1không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 27/7/2020 Tòa án triệu tập anhH1tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đối với anh H1nhưng anh vẫn vắng mặt hai lần liên tiếp, đồng thời cũng không có ý kiến và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh H1đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị H. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Mã Thanh H1theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Tại bản tự khai ngày 24/6/2020 người làm chứng chị Lê Xuân H2 trình bày:*Chị Lê Xuân H2 là em gái của chị Lê Thanh H và là em vợ của anh Mã Thanh H1. Vợ chồng chị H và anh H1 kết hôn với nhau vào năm 2016 và vợ chồng anh chị sống cùng gia đình nhà vợ. Nên chị Xuân H2 đã chứng kiến những mâu thuẫn giữa chị Thanh H và anh H1, nguyên nhân do anh H1 sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, chơi bời, có hành động bạo lực với vợ con, ngoài ra anh H1 còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Việc ngoại tình của anh H1 thì chị Xuân H2 và bạn chị H biết. Việc chị Thanh H ly hôn với anh H1 thì chị Xuân H2 không có ý kiến gì.

- *Tại bản tự khai ngày 04/7/2020 người làm chứng chị Đỗ Thị Thùy G trình bày:* Chị G là bạn của chị Thanh H, chị G biết vợ chồng chị H anh H1 sống không hạnh phúc do anh H1 là người không có trách nhiệm, anh H1 thường xuyên uống rượu, chị G đã vài lần chứng kiến anh H1 chửi bới và đánh chị H. Việc anh H1 ngoại tình với người phụ nữ khác thì chị G và em gái chị H là Lê Xuân H2 bắt gặp. Hiện chị Thanh H và anh H1 đã sống ly thân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Nguyên đơn chị Lê Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Mã Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/8/2020 và ngày 10/9/2020 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Chị Lê Thanh H và anh Mã Thanh H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôntại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2016nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị Hthì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H và anh H1 có nhiều mâu thuẫn.Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do anh H1 là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm, anh H1 thường xuyên uống rượu với bạn bè, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh H1 còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị H cùng với em gái và người bạn chị H bắt gặp, anh H1 cũng thừa nhận. Chị H và gia đình có khuyên ngăn nhưng anh H1 không thay đổi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh H1 đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H1 không đến tham gia hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn;anh H1 cũng không có ý kiến phản bác về những mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng như chị Htrình bày là đúng và đã thật sự trầm trọng. Đồng thời, mâu thuẫn của chị H, anh H1 được chị Lê Xuân H2 là em gái và chị Đỗ Thị Thùy G là bạn của chị H xác nhận, vì vậy chị Hyêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

3] Về con chung: Giữa chị Lê Thanh H và anh Mã Thanh H1có 01 con chung tên Mã Phúc T, sinh ngày 08/7/2016, hiện nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡngcháu. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh H1 vắng mặt không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị H. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu T còn nhỏ, từ trước đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Vìvậy nên giao con chung cho chị Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn

và đảm bảo tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường về mọi mặt của cháu, đúng theo quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thanh Hkhông yêu cầu anh Mã Thanh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị Hnên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6]Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Lê Thanh H với anh Mã Thanh H1 và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thanh H chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàocác Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh H được ly hôn với anh Mã Thanh H1 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 20/01/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2016).

2. Về con chung:Anh Mã Thanh H1giao con chung là cháu Mã Phúc T, sinh ngày 08/7/2016cho chị Lê Thanh Htrực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thanh Hphải tạo điều kiện cho anh Mã Thanh H1 thăm nomcon, không ai có quyền cản trở anh H1thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thanh Hvề việc không yêu cầu anh Mã Thanh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:Chị Lê Thanh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040403 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hàn h án dân sự th ành phố D, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn chị Lê Thanh H và anh Mã Thanh H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- CCTHA DS thành phố D;
- UBND phường T, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh